

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ QUẢNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày 10-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ QUẢNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Coóng

Bà Tô Thị Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 10-7-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2023/TLST-HS ngày 30-5-2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 26-6-2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn Hạp (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 29 tháng 10 năm 1989 tại xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm L, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Hoàng Thị Nh, sinh năm 1962; có vợ là Triệu Thị H, sinh năm 1989; con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2008, con thứ hai sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28-6-2023 bị cáo bị bắt về hành vi đánh bạc và đang bị khởi tố, điều tra trong một vụ án khác theo Quyết định khởi tố số: 39/QĐ-CQĐT ngày 06-7-2023 của Công an huyện Hà Quảng; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Quảng, bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-3-2023 cho đến ngày 28-6-2023, bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28-6-2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Quảng, có mặt.

2. Hà Văn M (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 10 tháng 6 năm 1995 tại xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm L, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình

độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn K, sinh năm 1947 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1952 (đã chết); có vợ là Hoàng Thị B, sinh năm 1994; con: Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25-9-2019 Công an xã Sỹ Hai (nay là xã Hồng Sỹ), huyện Hà Quảng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau; ngày 10-7-2020 Công an huyện Hà Quảng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Quảng, bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-3-2023 cho đến nay, có mặt.

3. Nông Văn D (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 04 tháng 6 năm 1989 tại xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm K, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn Th, sinh năm 1955 và bà Dương Thị C, sinh năm 1956; có vợ là Đặng Thị B, sinh năm 1988; con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2008, con thứ hai sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Quảng, bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-3-2023 cho đến nay, có mặt.

4. Đàm Văn Đ (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 04 tháng 10 năm 1989 tại xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn N, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Triệu Thị C, sinh năm 1951; có vợ là Hoàng Thị X, sinh năm 1993; con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2010, con thứ hai sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Quảng, bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-3-2023 cho đến nay, có mặt.

5. Chu Văn T (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 09 tháng 10 năm 1993 tại xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm L, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn S, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Nông Thị L, sinh năm 1960; có vợ là Bùi Thị Hồng H, sinh năm 1998; con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Quảng, bị cáo

được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-3-2023 cho đến nay, có mặt.

6. Nông Văn T1 (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 16 tháng 3 năm 1990 tại xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm L, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn S, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Nông Thị L, sinh năm 1955; có vợ là Trương Thị C, sinh năm 1994; con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2014, con thứ hai sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Quảng, bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-3-2023 cho đến nay, có mặt.

7. La Văn L (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 19 tháng 9 năm 1992 tại xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm L, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn X, sinh năm 1956 và bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1957 (đã chết); có vợ là Hoàng Thị P, sinh năm 1994; con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2013, con thứ hai sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Quảng, bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-3-2023 cho đến nay, có mặt.

8. La Văn T2 (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 12 tháng 12 năm 1982 tại xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn H, sinh năm 1961 (đã chết) và bà Ninh Thị T, sinh năm 1961; có vợ là Nông Thị B, sinh năm 1982; con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2009, con thứ hai sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Quảng, bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-3-2023 cho đến nay, có mặt.

9. Nông Văn M (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 11 tháng 7 năm 1989 tại xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Đàm Thị R, sinh năm 1941 (đã chết); có vợ là Vi Thị K, sinh năm 1989; con: Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân

thân: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Quảng, bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-3-2023 cho đến nay, có mặt.

10. Nông Văn M1 (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 12 tháng 6 năm 1984 tại xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm P, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Dương Thị Q, sinh năm 1950; có vợ là Nông Thị N, sinh năm 1986; con: Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Quảng, bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-3-2023 cho đến nay, có mặt.

11. Hoàng Văn T3 (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 06 tháng 6 năm 1986 tại huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm L, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn P (đã chết) và bà Nông Thị S, sinh năm 1944; có vợ là Nông Thị T, sinh năm 1986; con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2006, con thứ hai sinh năm 2008; tiền án: 01 (ngày 29-7-2022 Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng xử phạt 30.000.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Bản án số 19/2022/HS-ST); tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03-3-2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

- *Người bào chữa:* Bà Nông Thị Thu Trang - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Chu Văn T, bị cáo Hà Văn M, có mặt.

- *Người bào chữa:* Bà Hà Thị Hạnh - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Nông Văn D, bị cáo Nông Văn M1, có mặt.

- *Người bào chữa:* Bà Lục Thị Hoan - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Đàm Văn Đ, bị cáo Nông Văn M, bị cáo La Văn T2, có mặt.

- *Người bào chữa:* Bà Hoàng Thị Diệp Hảo - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo La Văn L, bị cáo Hoàng Văn H, bị cáo Hoàng Văn T3, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nông Văn S, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Xóm L, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Xóm L, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, có mặt;
2. Ông Nông Văn D, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Xóm L, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, có mặt;
3. Ông Nông Văn B, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Xóm K, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, có mặt;
4. Ông Vương Văn H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Xóm N, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03-3-2023 Hoàng Văn H, Nông Văn D, Nông Văn M, Nông Văn T1, Đàm Văn Đ, Hà Văn M, La Văn T2, Hoàng Văn T3, Nông Văn M1, Chu Văn T và La Văn L đến nhà Nông Văn S trú tại Xóm L, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng để dự tiệc đầy tháng con của S. Đến khoảng hơn 18 giờ cùng ngày trong lúc đang ngồi uống rượu với nhau Hà Văn M nói với mọi người “*Nót chén này xuống dưới kia giải trí một tí*” (ý nói là xuống nhà Hoàng Văn V để đánh bạc) và được mọi người đồng ý. M lấy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài ở trong nhà của S rồi cùng mọi người đi đến nhà Hoàng Văn V (nhà V cách nhà S khoảng 30 mét) để đánh bạc do lúc này V đang đi làm cỏ tại nhà S nên nhà không khoá cửa. Khi vào nhà Việt mọi người cùng nhau đi vào trong nhà bếp để đánh bạc bằng hình thức đánh “Chém”. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 19 giờ thì bị Công an huyện Hà Quảng bắt quả tang. Tang vật thu giữ gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài cùng số tiền 7.380.000 đồng. Ngoài ra còn tạm giữ những đồ vật tài liệu sau:

Tạm giữ trên người Hoàng Văn H số tiền 7.660.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Tạm giữ trên người Nông Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh dương, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Tạm giữ trên người Nông Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Tạm giữ trên người Nông Văn T1 số tiền 260.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Tạm giữ trên người Đàm Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Tạm giữ trên người Hà Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu đen, số tiền 20.000 đồng. Tạm giữ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài do M mang từ nhà Nông Văn S đến.

Tạm giữ trên người La Văn T2 01 điện thoại di động bàn phím nhàn hiệu NOKIA; 01 điện thoại di động nhàn hiệu OPPO màu vàng đồng, điện thoại cũ đã qua sử dụng và số tiền 90.000 đồng.

Tạm giữ trên người Hoàng Văn T3 01 điện thoại di động nhàn hiệu REALME màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng và số tiền 2.240.000 đồng.

Tạm giữ trên người Nông Văn M1 01 điện thoại di động bàn phím nhàn hiệu NOKIA, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Tạm giữ trên người Chu Văn T số tiền 1.060.000 đồng.

Tạm giữ trên người La Văn L 01 điện thoại di động nhàn hiệu VIVO màu xanh dương, điện thoại cũ đã qua sử dụng và số tiền 20.000 đồng.

Tạm giữ trên người Nông Văn Bộ 01 điện thoại di động nhàn hiệu VIVO màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Tạm giữ trên người Nông Văn Dương số tiền 30.000 đồng.

Tạm giữ trên người Vương Văn Hoà 01 điện thoại di động nhàn hiệu SAMSUNG màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Hoàng Văn H, Nông Văn D, Nông Văn M, Nông Văn T1, Đàm Văn Đ, Hà Văn M, La Văn T2, Hoàng Văn T3, Nông Văn M1, Chu Văn T và La Văn L khai nhận: Khoảng hơn 18 giờ ngày 03-3-2023 những người tham gia đánh bạc đầu tiên gồm có Hoàng Văn H, Hà Văn M, La Văn T2, Nông Văn M1, Chu Văn T đánh bạc bằng hình thức đánh “Chém”. Sau khi đánh được vài ván thì lần lượt có Nông Văn T1, Nông Văn D, La Văn L, Hoàng Văn T3, Đàm Văn Đ, Nông Văn M đến chơi và cùng tham gia đánh bạc.

Luật chơi được quy định như sau: Trước khi chia bài người chơi sẽ đặt tiền cược vào cửa của mình một số tiền tùy ý, thấp nhất là 50.000 đồng, mỗi cửa sẽ được chia ba quân bài. Người đứng ra mở bài ở mỗi cửa là người chơi chính, những người chơi còn lại gọi là người chơi ké cửa (đặt tiền tùy ý vào cửa của người chơi chính). Thứ tự phân định bài từ cao nhất đến thấp nhất được quy định như sau: “Sáp” là toàn bộ ba lá bài cùng một quân bài (ví dụ: Cao nhất là KKK, thấp nhất là AAA); “Chém” là toàn bộ ba lá bài là những “quân đầu người” từ J đến K (ví dụ: JJQ, KKJ, JQK); Điểm số là tổng số điểm của ba lá bài được nhận, nếu tổng số điểm lên đến hai con số thì số điểm là hàng đơn vị của số đó (ví dụ: Tổng điểm ba quân bài là 16 thì số điểm được tính là 06 điểm), điểm cao nhất là 9, điểm thấp nhất là 0. Số điểm của từng quân bài được quy định như sau: Các quân 10, J, Q, K được tính bằng 0 điểm, quân A (Át) được tính bằng 01 điểm, các quân bài 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 tương ứng với số điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Nếu các bài “Chém” điểm số giống nhau sẽ tính chất của quân bài to nhất, bài nào chất cao hơn sẽ thắng, thứ tự chất từ cao đến thấp là “Cơ”, “Rô”, “Nhép”, “Pích”. Sau khi phân định thứ tự người thắng, thua cách chia tiền cá cược được quy định như sau: Cửa

có giá trị bài cao nhất sẽ thắng và được nhận số tiền bằng số đã đặt cược, được lấy lần lượt từ cửa có giá trị bài thấp nhất, nếu người thấp nhất trả không đủ thì lấy tiền cược của người có giá trị bài thấp thứ hai, thứ ba,... cho đến khi đủ số tiền cửa cao nhất đã cược. Sau khi cửa có giá trị cao nhất đã nhận được đủ số tiền bằng số tiền đã đặt cược và cửa có giá trị điểm thấp nhất vẫn còn tiền trong tổng số tiền đã đặt cược, thì số tiền đó sẽ chia cho cửa có giá trị cao thứ hai, thứ ba... bằng số tiền đã đặt cược cho đến khi hết tiền.

Quá trình đánh bạc còn có mặt những người gồm: Hoàng Văn N sinh năm 1994; Nông Văn D sinh năm 1985 cùng trú tại Xóm L, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Nông Văn B sinh năm 1985, trú tại Xóm K, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Vương Văn H sinh năm 1989, trú tại xóm N, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng cũng có mặt tại nhà của Hoàng Văn V. Tuy nhiên, cả 04 người (Hoàng Văn N, Nông Văn D, Nông Văn B và Vương Văn H) chỉ được xem mọi người đánh bạc và không tham gia vào đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 18.730.000 đồng, cụ thể như sau:

- Hoàng Văn H mang theo số tiền khoảng 3.200.000 đồng để tham gia cá cược đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang H đang thắng bạc và có tổng số tiền là 7.660.000 đồng.

- La Văn T2 mang theo số tiền khoảng 2.800.000 đồng để tham gia cá cược đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang T2 đang thua bạc.

- Nông Văn D mang theo số tiền khoảng 1.300.000 đồng để tham gia cá cược đánh bạc, tại thời điểm bắt quả tang D đang thua bạc.

- Nông Văn M1 mang theo số tiền khoảng 1.500.000 đồng để tham gia cá cược đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang M1 đang thua bạc.

- Nông Văn M mang theo số tiền 200.000 đồng để tham gia cá cược đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang M đang thua hết tiền.

- La Văn L mang theo số tiền khoảng 1.100.000 đồng để tham gia cá cược đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang L đang thua bạc.

- Chu Văn T mang theo số tiền khoảng 1.560.000 đồng để tham gia cá cược đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang T đang thua bạc.

- Nông Văn T1 mang theo số tiền 1.200.000 đồng để tham gia cá cược đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang T1 đang thua bạc.

- Hoàng Văn T3 mang theo số tiền 2.740.000 đồng để tham gia cá cược đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang T3 đang thua bạc.

- Đàm Văn Đ mang theo số tiền 800.000 đồng để tham gia đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang Đ đang thua bạc.

- Hà Văn M mang theo số tiền 2.020.000 đồng để tham gia cá cược đánh bạc, tại thời điểm bị bắt quả tang M đang thua bạc.

Ngày 04-5-2023, các cơ quan chức năng đã tiến hành kiểm tra các điện thoại bị tạm giữ. Qua kiểm tra, các điện thoại không có nội dung gì liên quan đến hành vi đánh bạc xảy ra ngày 03-3-2023.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nông Văn S trình bày: Ngày 03-3-2023, gia đình tổ chức đầy tháng cho con, S có mời một số anh em đến dự bữa cơm và một số anh em đến giúp làm cỗ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì một số khách của gia đình S có đánh bạc tại nhà anh Hoàng Văn V (là người cùng xóm với S) sau đó bị Công an bắt quả tang. Lúc mọi người đánh bạc, có sử dụng 02 bộ bài tú lơ khơ (loại 52 quân bài) của S. Lúc Hà Văn M lấy 02 bộ bài tại nhà của S, Mạnh không hỏi nên S không biết. S yêu cầu xử lý 02 bộ bài tú lơ khơ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa những người làm chứng Hoàng Văn N, Nông Văn D, Nông Văn B, Vương Văn H trình bày: Tối ngày 03-3-2023 N, D, B, H đều có mặt tại nhà của Hoàng Văn V, tuy nhiên chỉ xem mọi người đánh bạc, không tham gia vào việc đánh bạc. Những người làm chứng (N, D, B, H) thấy những người tham gia đánh bạc tại nhà V vào tối 03-3-2023 gồm có: Hoàng Văn H, Nông Văn D, Nông Văn M, Nông Văn T1, Đàm Văn Đ, Hà Văn M, La Văn T2, Hoàng Văn T3, Nông Văn M1, Chu Văn T và La Văn L.

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKSHQ ngày 25-5-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng truy tố các bị can Hoàng Văn H, Nông Văn D, Nông Văn M, Nông Văn T1, Đàm Văn Đ, Hà Văn M, La Văn T2, Hoàng Văn T3, Nông Văn M1, Chu Văn T và La Văn L về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Hoàng Văn H, Nông Văn D, Nông Văn M, Nông Văn T1, Đàm Văn Đ, Hà Văn M, La Văn T2, Hoàng Văn T3, Nông Văn M1, Chu Văn T và La Văn L về tội “Đánh bạc” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Nông Văn D, Nông Văn M, Nông Văn T1, Đàm Văn Đ, Hà Văn M, La Văn T2, Nông Văn M1, Chu Văn T và La Văn L từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn T3 từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng cụ thể như sau:

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ, đã qua sử dụng.
- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 18.730.000 đồng là tang vật các bị cáo dùng để đánh bạc.
- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu đen, điện thoại đã qua sử dụng.

Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nông Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hà Văn M, La Văn L, Nông Văn D, Chu Văn T, Nông Văn M, Nông Văn M1, Đàm Văn Đ, La Văn T2, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3.

Người bào chữa trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo La Văn L, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3 nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố sau đây: Các bị cáo La Văn L, Hoàng Văn H đều có nhân thân tốt, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi bị bắt trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với thái độ ăn năn, hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo L, H hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là 12 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Đối với bị cáo Hoàng Văn T3 sau khi bị bắt trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với thái độ ăn năn, hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo T3 hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

cho bị cáo T3 được hưởng mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là 09 tháng tù. Trả lại cho bị cáo T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu đen, điện thoại đã qua sử dụng. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo L, H, T3.

Người bào chữa trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo Chu Văn T, Hà Văn M, nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố sau đây: Bị cáo Chu Văn T có nhân thân tốt, các bị cáo T, M chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi bị bắt trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều rất thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với thái độ ăn năn, hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo T, M hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Miễn khấu trừ thu nhập, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo T, M.

Người bào chữa trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo Đàm Văn Đ, Nông Văn M, La Văn T2, nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố sau đây: Các bị cáo Đàm Văn Đ, Nông Văn M, La Văn T2 đều có nhân thân tốt, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi bị bắt trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với thái độ ăn năn, hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo Đ, M, T2 hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Đ, T2 được hưởng mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo M được hưởng mức án thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị là 09 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Đ, M, T2.

Người bào chữa trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo Nông Văn D, Nông Văn M1, nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố sau đây: Các bị cáo Nông Văn D, Nông Văn M1 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều rất thành khẩn khai báo thừa

nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với thái độ ăn năn, hối cải; Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo D, M1 hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo D, M1.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Tại phần tranh luận các bị cáo, những người bào chữa tranh luận, đối đáp. Các bị cáo đều nhất trí với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng của vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đủ căn cứ và cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 03-3-2023, tại nhà của Hoàng Văn V (thuộc xóm Lũng Quảng, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng) gồm có Hoàng Văn H, Nông Văn D, Nông Văn M, Nông Văn T1, Đàm Văn Đ, Hà Văn M, La Văn T2, Hoàng Văn T3, Nông Văn M1, Chu Văn T và La Văn L có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh “Chém”. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 18.730.000 đồng. Đây là những chứng cứ xác định các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Chứng cứ mà Viện kiểm sát đưa ra là đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương. Trong khi các tệ nạn xã hội nhất là tệ nạn đánh bạc ngày càng diễn biến phức tạp, gây nhức nhối đối với gia đình, người thân nói riêng và xã hội nói chung. Đây cũng là nguyên nhân, tiền đề gây ra các tội phạm khác, làm giảm sút kinh tế gia đình và tác động xấu đến xã hội. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới mọi hình thức là vi phạm pháp luật, nhưng vì tư lợi và muốn tước đoạt tiền bạc của nhau nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nông Văn D, Nông Văn M, Nông Văn T1, Đàm Văn Đ, La Văn T2, Nông Văn M1, Chu Văn T và La Văn L đều có nhân thân tốt, bị cáo Hà Văn M có nhân thân xấu. Các bị cáo Dầu, Mù, Thanh, Đàn, Tín, Mậu, Thánh, Lầu, Mạnh không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trước Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt.

Bị cáo Hoàng Văn H không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, đến ngày 28-6-2023 bị cáo bị bắt về hành vi đánh bạc và đang bị khởi tố, điều tra trong một vụ án khác (Quyết định khởi tố bị can số: 39/QĐ-CQĐT ngày 06-7-2023 của Công an huyện Hà Quảng). Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trước Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt.

Bị cáo Hoàng Văn T3 có nhân thân xấu, có 01 tiền án, bị cáo không có tiền sự. Bị cáo chưa được xóa án tích, đến ngày 03-3-2023 bị cáo lại có hành vi đánh bạc nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Trước Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt.

[3] Xét tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính bộc phát, là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, tất cả các bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành. Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi của các bị cáo từ nặng đến nhẹ theo thứ tự: Hoàng Văn H, La Văn T2, Hoàng Văn T3, Hà Văn M, Chu Văn T, Nông Văn M1, Nông Văn D, Nông Văn T1, La Văn L, Đàm Văn Đ, Nông Văn M tương ứng với số tiền của các bị cáo tham gia vào việc đánh bạc.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Nông Văn D, Nông Văn M, Nông Văn T1, Đàm Văn Đ, La Văn T2, Nông Văn M1, Chu Văn T, Hà Văn M và La Văn L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng để cải tạo, giáo dục các bị cáo và đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Gia đình các bị cáo Hà Văn M, La Văn L, Nông Văn D, Chu Văn T, Nông Văn M thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; các bị cáo Nông Văn T1,

Nông Văn M1, Đàm Văn Đ, La Văn T2 sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định nên miễn khâu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Với tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và quy định của pháp luật hình sự Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo Hoàng Văn H đang trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo lại tiếp tục đánh bạc và đang bị khởi tố, điều tra trong một vụ án khác điều này cho thấy bị cáo Hợp coi thường pháp luật, chưa biết hối lỗi lại tiếp tục vi phạm pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có thể giúp bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội, góp phần giáo dục người khác ý thức tôn trọng pháp luật và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Với tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo Hoàng Văn T3 Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tiền, bị cáo còn chưa được xóa án tích lẽ ra bị cáo phải biết lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện nhưng bị cáo lại còn tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có thể giúp bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội, góp phần giáo dục người khác ý thức tôn trọng pháp luật và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xét đề nghị áp dụng pháp luật và ra mức hình phạt đối với các bị cáo của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận. Riêng đối với mức hình phạt của bị cáo Nông Văn M, đại diện Viện kiểm sát đưa ra là có căn cứ, tuy nhiên do số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc ít hơn so với các bị cáo khác và bị cáo M chỉ đánh bạc một ván do đó hình phạt đối với bị cáo M sẽ thấp hơn so với mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo Hà Văn M, La Văn L, Nông Văn D, Chu Văn T, Nông Văn M thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; các bị cáo Nông Văn T1, Nông Văn M1, Đàm Văn Đ, La Văn T2, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3 không có thu nhập ổn định, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần xử lý như sau:

- 02 bộ bài tú lơ khơ, đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, xét thấy không còn giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Số tiền 18.730.000 đồng là số tiền thu trên chiếu bạc và thu giữ của các bị cáo. Xét thấy, đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, được thắng từ việc đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu đen, đã qua sử dụng tạm giữ của bị cáo Hoàng Văn T3. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Toàn khai chiếc điện thoại này bị cáo không dùng vào việc đánh bạc. Ngoài ra, cũng không có tài liệu nào chứng minh chiếc điện thoại liên quan đến hành vi phạm tội, do đó cần trả lại cho bị cáo Toàn chiếc điện thoại nói trên.

[7] Ngày 08-5-2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Quảng ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 10-5-2023 các chủ sở hữu đã nhận lại các tài sản, không có ý kiến gì thêm. Do đó, việc trả lại tài sản cho các bị cáo, người làm chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Quảng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[8] Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo La Văn L, Hoàng Văn H hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo Hoàng Văn T3 hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo L, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo L, H, T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo Chu Văn T, Hà Văn M hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, miễn khấu trừ thu nhập, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị cho bị cáo T, bị cáo M được hưởng mức hình phạt cải tạo không giam giữ thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị là không có căn cứ, không phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo Đàm Văn Đ, Nông Văn M, La Văn T2 hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, miễn khấu trừ thu nhập, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo, áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Nông Văn M thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo Nông Văn D, Nông Văn M1 hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, miễn khấu trừ

thu nhập, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Đối với Hoàng Văn N, Nông Văn B, Nông Văn D và Vương Văn H đều có mặt tại nhà của Hoàng Văn V (nơi xảy ra hành vi đánh bạc). Tuy nhiên, N, B, D, H không tham gia đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Quảng không đề nghị truy tố là có căn cứ.

[13] Đối với Hoàng Văn V là chủ nhà nơi các bị cáo đánh bạc, nhưng V hoàn toàn không biết và không có mặt trong thời gian các bị cáo đánh bạc tại nhà của V nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Quảng không xử lý, đề nghị truy tố đối với Việt là có căn cứ.

[14] Về án phí: Bị cáo Nông Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do gia đình các bị cáo Hà Văn M, La Văn L, Nông Văn D, Chu Văn T, Nông Văn M thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; các bị cáo Nông Văn M1, Đàm Văn Đ, La Văn T2, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3 không có thu nhập ổn định, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và các bị cáo đã có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[15] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Quảng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn H, Nông Văn D, Nông Văn M, Nông Văn T1, Đàm Văn Đ, Hà Văn M, La Văn T2, Hoàng Văn T3, Nông Văn M1, Chu Văn T và La Văn L phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo La Văn T2 16 (mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023) là 09 (chín) ngày, quy đổi bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Nay buộc bị cáo phải chấp hành 15 (mười năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Hà Văn M 16 (mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023) là 09 (chín) ngày, quy đổi bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Nay buộc bị cáo phải chấp hành 15 (mười năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Chu Văn T 15 (mười năm) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023) là 09 (chín) ngày, quy đổi bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Nay buộc bị cáo phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn M1 15 (mười năm) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023) là 09 (chín) ngày, quy đổi bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Nay buộc bị cáo phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn D 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023) là 09 (chín) ngày, quy đổi bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Nay buộc bị cáo phải chấp hành 13 (mười ba) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn T1 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023) là 09 (chín) ngày, quy đổi bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Nay buộc bị cáo phải chấp hành 13 (mười ba) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo La Văn L 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023) là 09 (chín) ngày, quy đổi bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Nay buộc bị cáo phải chấp hành 13 (mười ba) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Đàm Văn Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023) là 09 (chín) ngày, quy đổi bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Nay buộc bị cáo phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn M 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023) là 09

(chín) ngày, quy đổi bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Nay buộc bị cáo phải chấp hành 07 (bảy) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

+ Giao các bị cáo Hà Văn M, Nông Văn T1, Nông Văn M1, La Văn L, Nông Văn D, Chu Văn T cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Giao các bị cáo La Văn T2, Đàm Văn Đ, Nông Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo đổi nơi cư trú thì việc giám sát các bị cáo thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 28-6-2023 và được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 03-3-2023 đến ngày 12-3-2023) là 09 (chín) ngày.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T3 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 03-3-2023.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 18.730.000 đồng được niêm phong trong 01 phong bì mặt trước ghi mã số 2029929. Tên vụ: Đánh bạc tại Lũng Quảng, Hồng Sỹ, Hà Quảng. Mặt sau có chữ ký của Phó Giám đốc phụ trách Đỗ Thị Lan Hương và Nguyễn Thị Dung, có đóng 01 dấu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME, màu đen, có số IMEI 1: 864751061858034, IMEI 2: 864751061858026, điện thoại đã qua sử dụng.

Xác nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Quảng đã chuyển vật chứng, tài sản trên sang cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hà Quảng tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15-5-2023.

3. Về án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nông Văn T1 phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn T3, Nông Văn T1, Nông Văn M1, Đàm Văn Đ, La Văn T2, Hà Văn M, La Văn L, Nông Văn D, Chu Văn T, Nông Văn M được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QLVN liên quan đến vụ án;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hà Quảng;
- Cơ quan CSĐT Công an H. Hà Quảng;
- Cơ quan THAHS Công an H. Hà Quảng;
- Nhà tạm giữ Công an H. Hà Quảng;
- Chi cục THADS huyện Hà Quảng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng;
- UBND xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng;
- Lưu: HS; THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Dương Thị Hồng Vân

